

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng
Lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC và Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định danh mục, mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2729/TTr-STC ngày 15 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng Lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ các văn bản, quy định sau:

1. Quyết định số 33/2007/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về mức thu, nộp, tỷ lệ điều tiết và chế độ quản lý sử dụng Lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

2. Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 44/2008/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc miễn thu một số khoản lệ phí quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 và Quyết định số 33/2007/QĐ-UBND ngày 25/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

3. Quyết định số 38/2010/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và thành phố Bảo Lộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- TT Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Tiến

QUY ĐỊNH

**Mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng Lệ phí địa chính
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~39~~ 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/10/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

1. Đối tượng nộp lệ phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng phải nộp Lệ phí địa chính.

2. Cơ quan thu lệ phí: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

3. Mức thu lệ phí:

Số TT	Nội dung công việc	Mức thu	
		Tại các phường thuộc Tp. Đà Lạt và Bảo Lộc	Các địa bàn còn lại
I	Đối với hộ gia đình, cá nhân		
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:		
a	Cấp mới	100.000 đồng/giấy	50.000 đồng/giấy
b	Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	50.000 đồng/lần cấp	25.000 đồng/lần cấp
2	Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất):		
a	Cấp mới	25.000 đồng/giấy	10.000 đồng/giấy
b	Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	20.000 đồng/lần cấp	10.000 đồng/lần cấp

Số TT	Nội dung công việc	Mức thu	
		Tại các phường thuộc Tp. Đà Lạt và Bảo Lộc	Các địa bàn còn lại
3	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	25.000 đồng/1 lần	10.000 đồng/1 lần
4	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	15.000 đồng/1 lần	5.000 đồng/1 lần
II	Đối với tổ chức:		
1	Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:	500.000 đồng/giấy	
2	Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho tổ chức chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất)	100.000 đồng/lần cấp	
3	Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận:	50.000 đồng/lần cấp	
4	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai:	30.000 đồng/1 lần	
5	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính:	30.000 đồng/1 lần	
III	Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với:		
1	Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định 88/2009/NĐ-CP có hiệu lực thi hành mà có nhu cầu cấp đổi lại giấy chứng nhận.		
2	Đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn.		
IV	Trường hợp hộ gia đình cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.		

4. Quản lý và sử dụng:

a) Cơ quan tổ chức thu được để lại 25% số lệ phí thu được để chi cho công tác thu. Số còn lại 75% nộp toàn bộ vào ngân sách Nhà nước.

b) Việc sử dụng khoản chi phí để thực hiện công tác thu lệ phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

5. Biên lai, chứng từ thu lệ phí thực hiện theo đúng quy định của Bộ Tài chính (do ngành thuế phát hành) và theo hướng dẫn của Cục Thuế Lâm Đồng. /- *lưu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Tiến